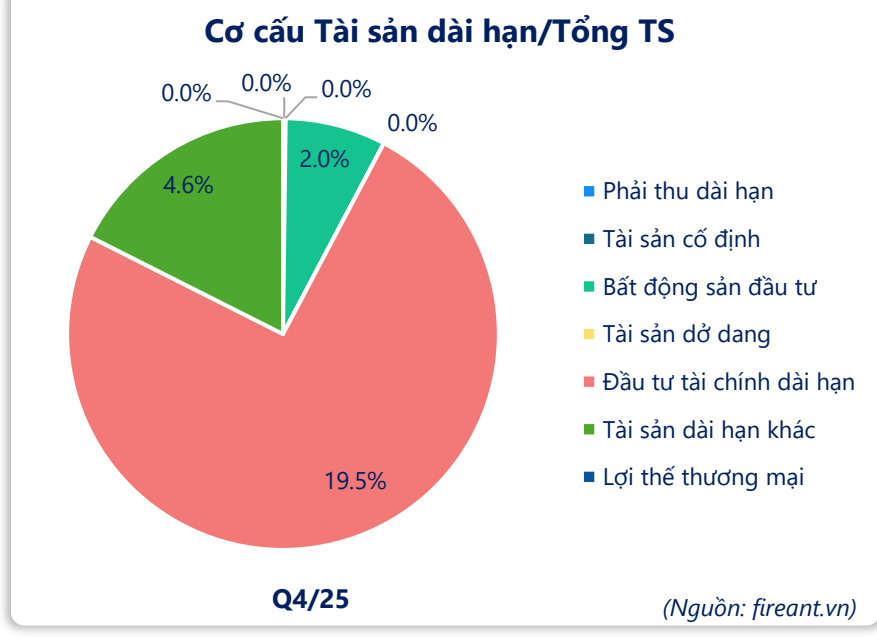
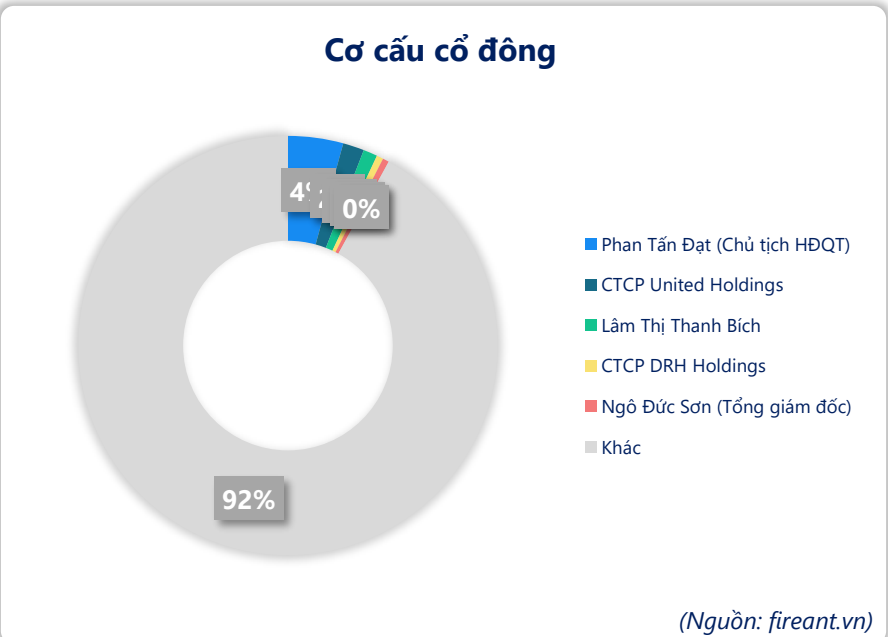
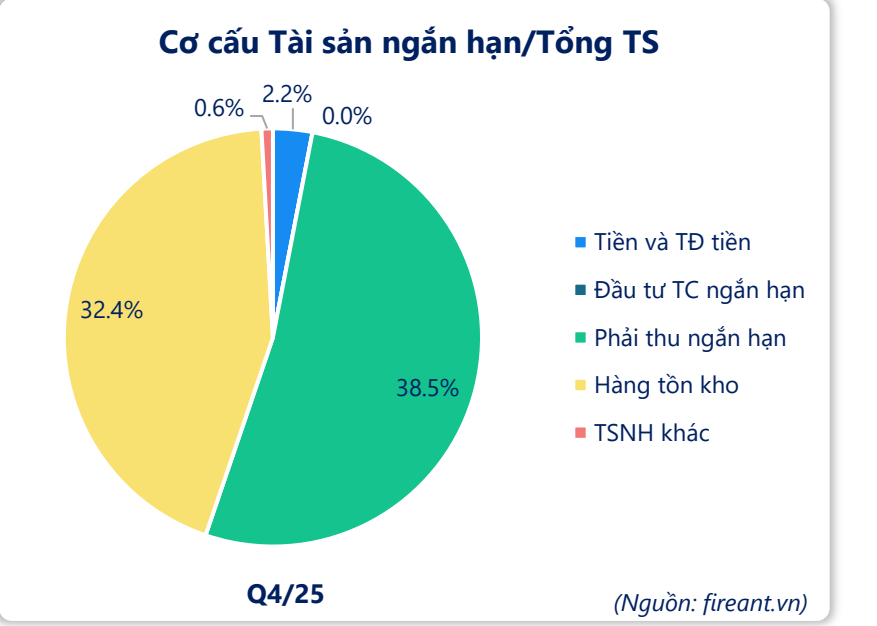
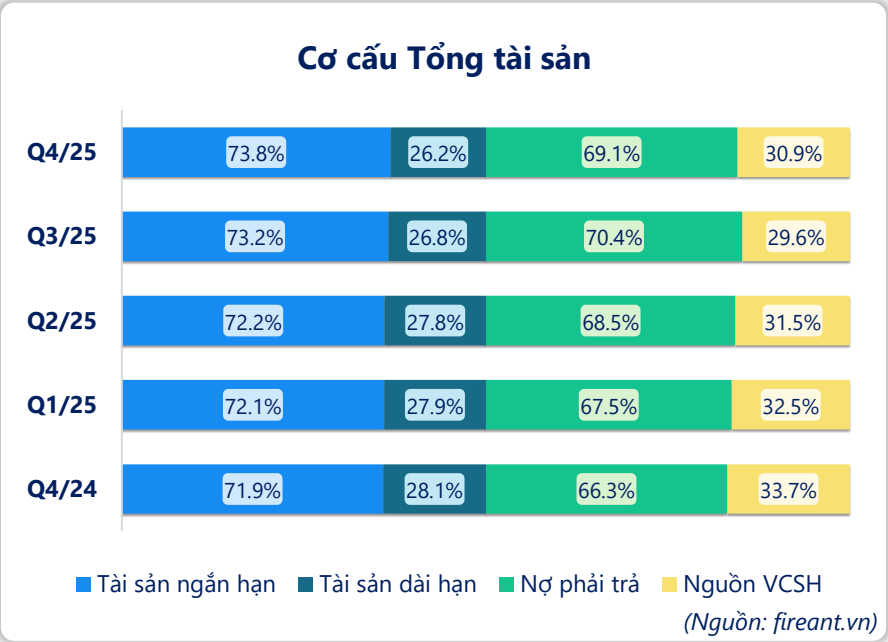
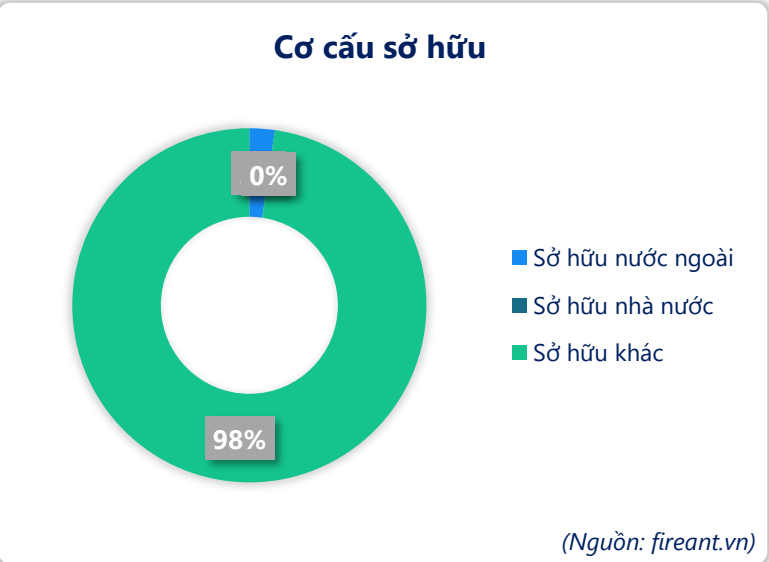
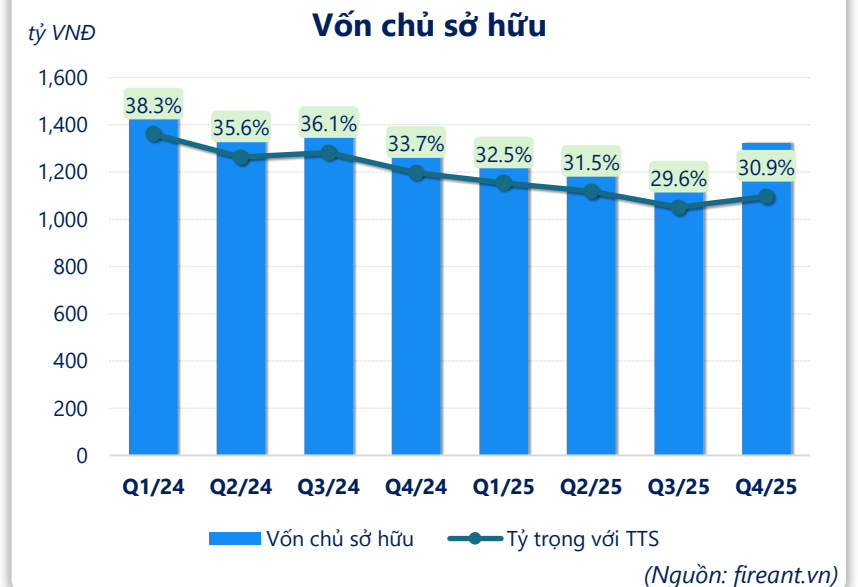
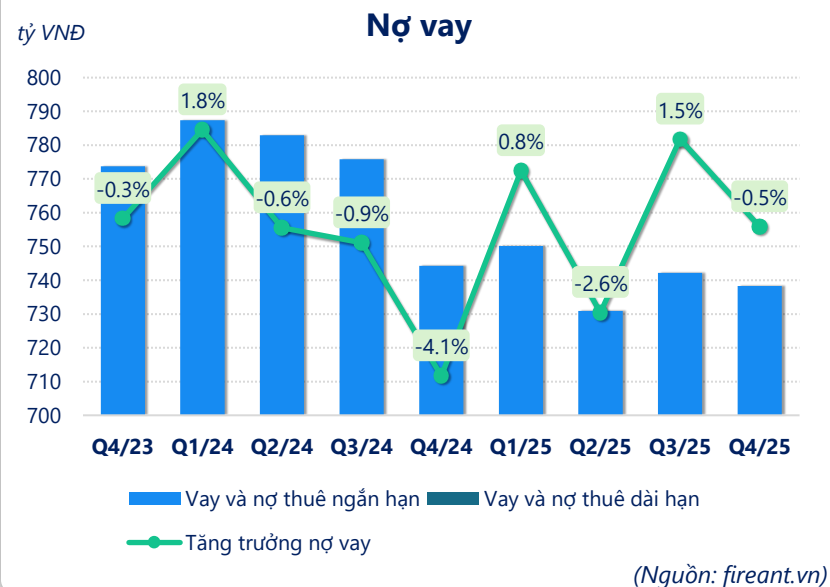
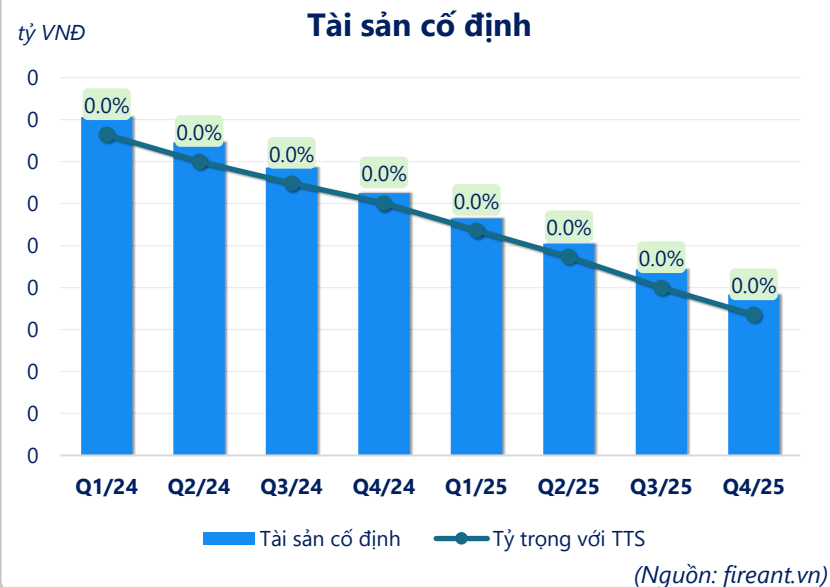
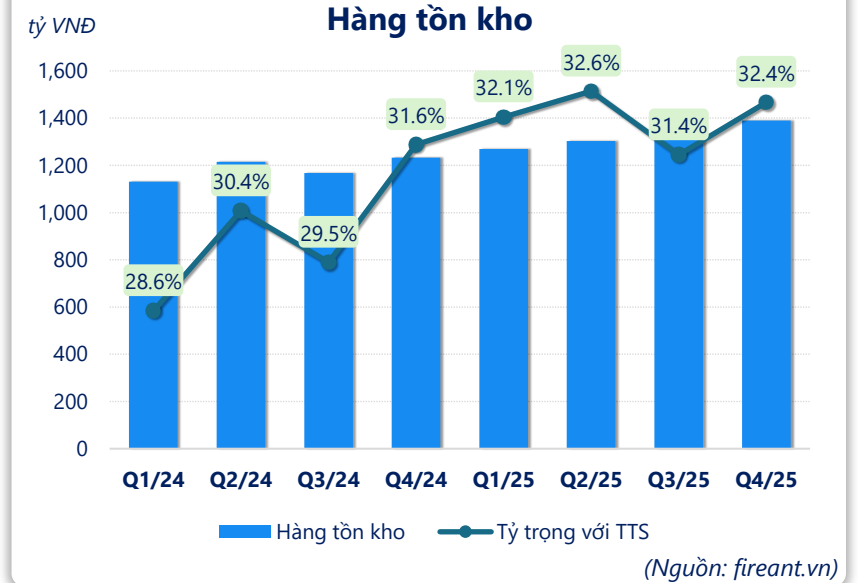
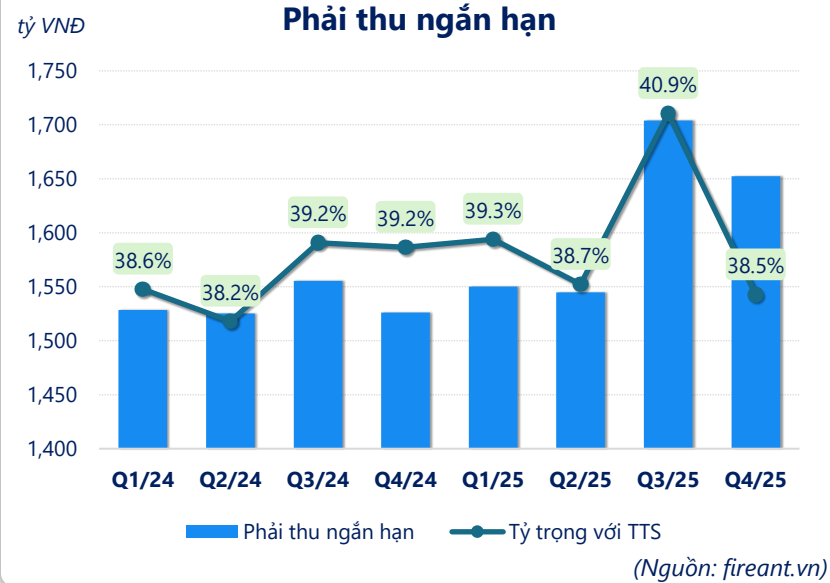
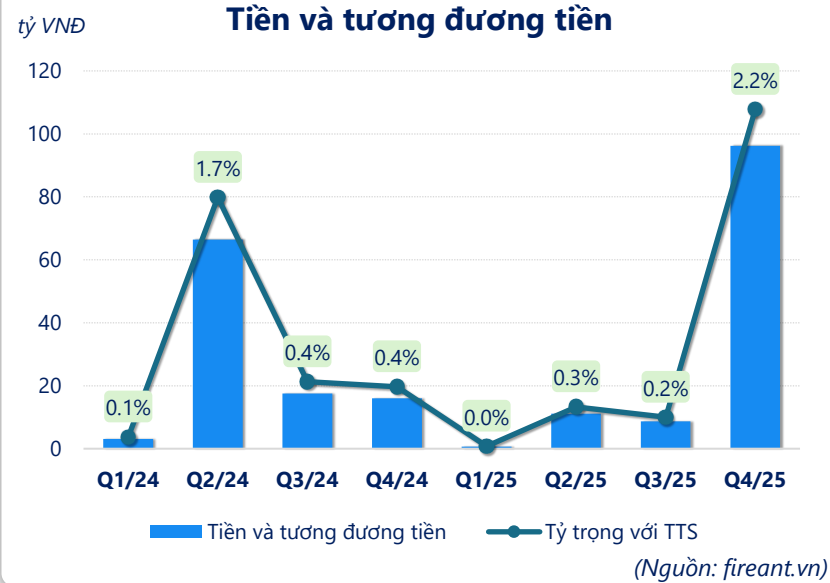
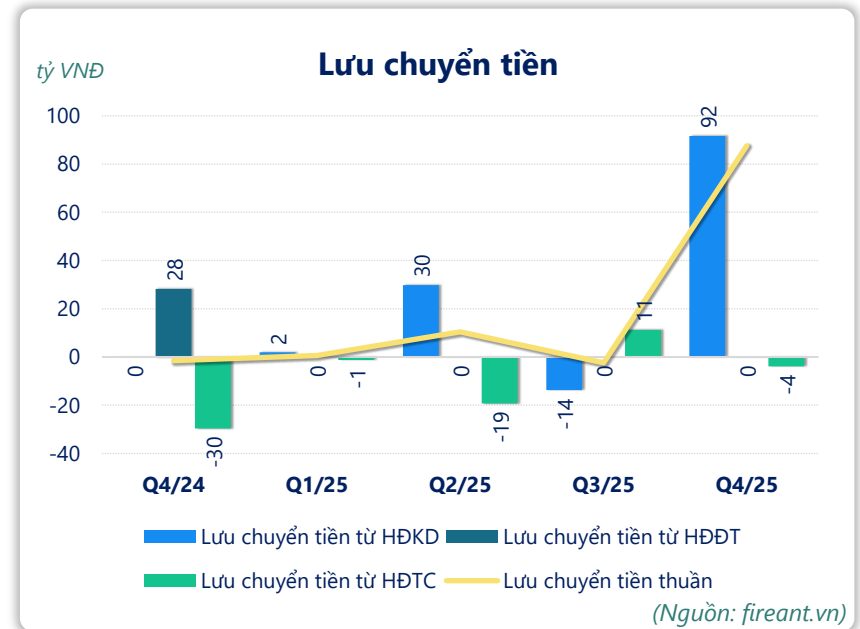
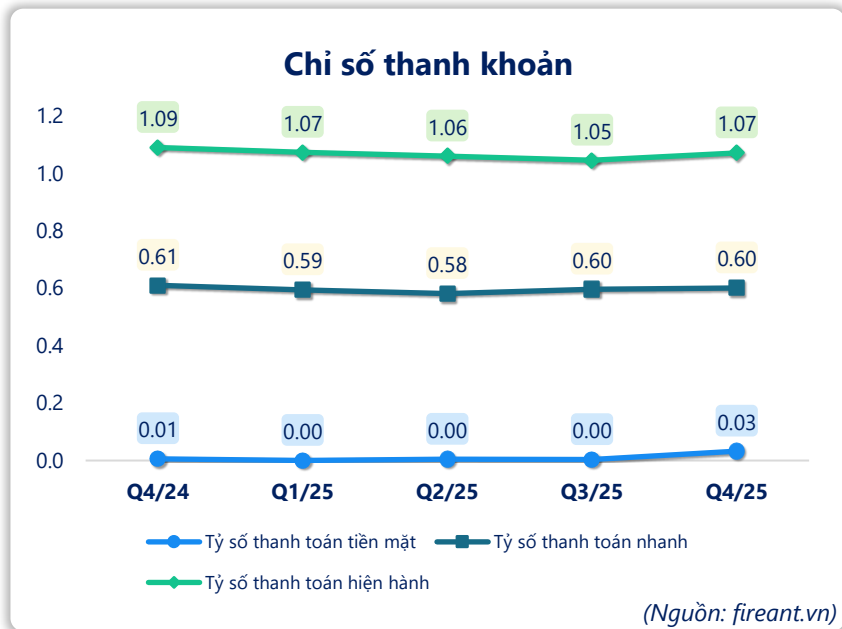
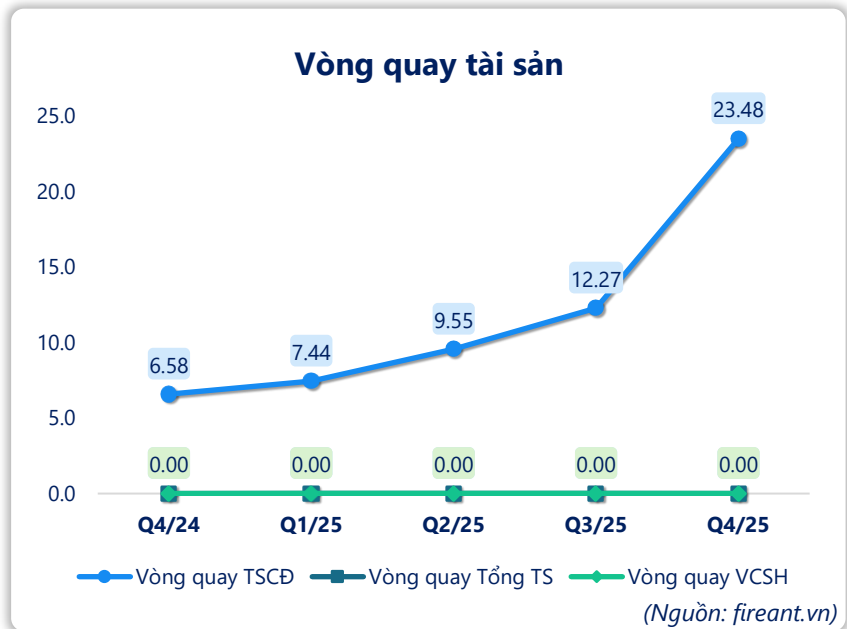
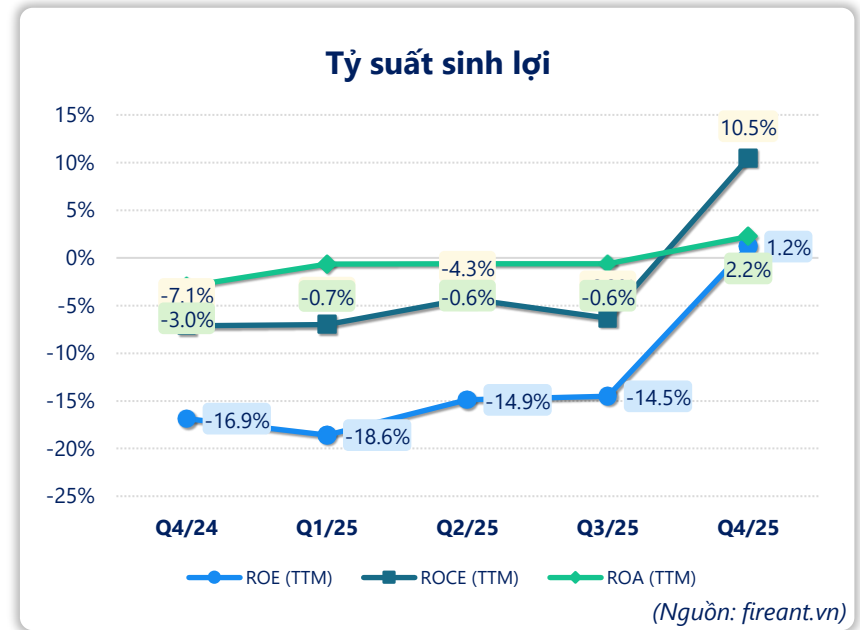
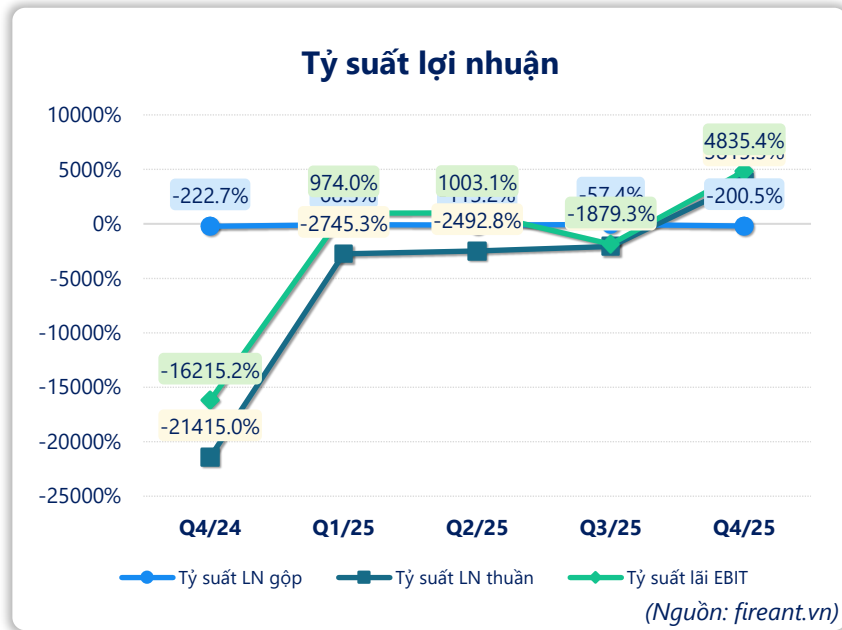
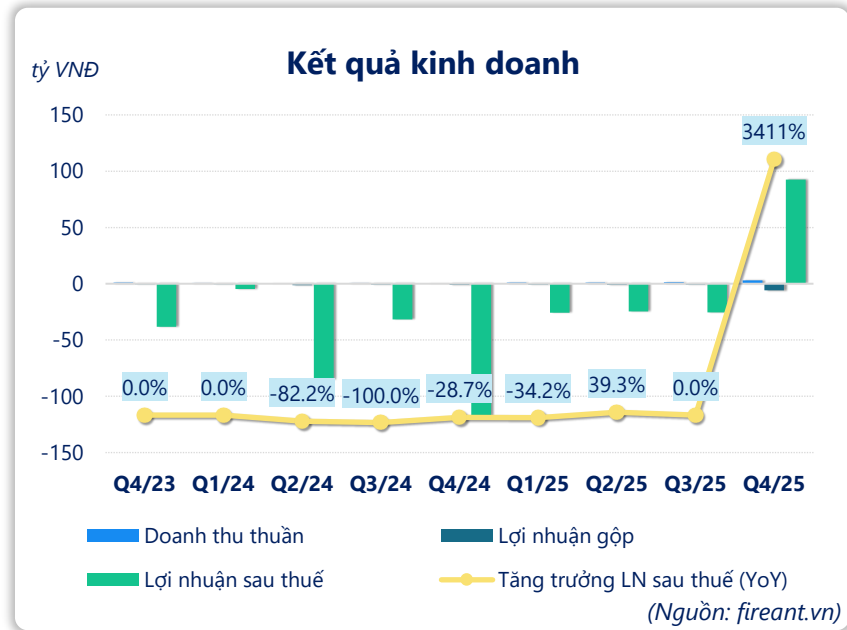


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		2,220
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		3,950
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		1,770
SL cổ phiếu LH		123,707,866
KLGD BQ 20 phiên (CP)		552,160
% sở hữu nước ngoài		2.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		275
P/E		17.6
EPS		126

	YTD	1T	3T	6T
DRH	16.8%	-5.1%	-5.9%	-27.7%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	4,288	3,901	9.9%
Tài sản ngắn hạn	3,166	2,804	12.9%
Tiền và tương đương tiền	96.2	0.09	102670%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	1,652	1,512	9.3%
Hàng tồn kho	1,390	1,267	9.7%
Tài sản ngắn hạn khác	27.8	24.7	12.7%
Tài sản dài hạn	1,121	1,097	2.2%
Phải thu dài hạn	2.07	2.27	-8.8%
Tài sản cố định	0.19	0.31	-38.7%
Bất động sản đầu tư	84.5	86.6	-2.4%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	838	811	3.3%
Tài sản dài hạn khác	197	197	0.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,964	2,594	14.3%
Nợ ngắn hạn	2,957	2,580	14.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	738	751	-1.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	83.1	82.5	0.7%
Nợ dài hạn	7.33	14.4	-49.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,323	1,307	1.3%
Vốn chủ sở hữu	1,323	1,307	1.3%
Vốn điều lệ	1,244	1,244	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	0.50	0.91	0.90	1.15	2.95
Giá vốn hàng bán	1.62	1.53	1.92	1.81	8.88
Lợi nhuận gộp	-1.12	-0.62	-1.02	-0.66	-5.92
Doanh thu HĐTC	8.39	7.72	7.78	8.66	148
Chi phí TC	113	34.2	32.9	33.3	32.0
Chi phí lãi vay	28.7	33.9	31.5	3.12	31.6
LN trong công ty LKLD	3.31	6.26	7.99	5.74	6.88
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	5.19	4.15	4.26	4.42	4.11
LN thuần từ HĐKD	-107	-25.0	-22.5	-23.9	113
Lợi nhuận khác	-2.67	0.00	0.00	-0.81	-1.46
LN trước thuế	-110	-25.0	-22.5	-24.8	111
Lợi nhuận sau thuế	-118	-25.7	-24.7	-25.5	92.6
LNST của CĐ cty mẹ	-117	-25.7	-24.6	-25.5	91.5

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.17	1.90	29.7	-13.7	91.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	28.2	-0.04	-0.08	-0.04	-0.04
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-29.6	-1.31	-19.2	11.3	-3.96
Tiền đầu kỳ	17.5	0.09	0.65	11.1	8.65
Lưu chuyển tiền thuần	-1.57	0.55	10.4	-2.43	87.6
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	16.0	0.65	11.1	8.65	96.2

(Nguồn: fireant.vn)